

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **51/2024/DS-ST**

Ngày : 04.7.2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Minh**

2. Ông **Nguyễn Trọng Hoàng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 278/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Đình L**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 78/15 Lý Nam Đế, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Đông Thị B**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Vũ Thế T1**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Ông L có mặt, bà B và ông T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông L trình bày:

Ông L không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà B, ông T1. Ông L là nhân viên làm việc tại Ngân hàng Bắc Á- CN Đà Lạt. Vợ chồng bà B, ông T1 có khoản vay tại ngân hàng Bắc Á, cần tiền trả lãi cho Ngân hàng nên có quen biết ông L. Bà B có hỏi ông L vay tiền để trả lãi cho ngân hàng và ông L đồng ý. Ông L cho

bà B vay tiền gồm các khoản sau: Ngày 08/4/2023 ông L cho bà B vay 38.000.000 đồng, chuyển khoản qua tài khoản của bà B tại Ngân hàng Bắc Á- CN Đà Lạt, chuyển khoản thành công. Ngày 27/4/2023 ông L cho bà B vay số tiền 27.000.000 đồng, chuyển khoản qua tài khoản của bà B tại Ngân hàng Bắc Á- CN Đà Lạt, chuyển khoản thành công. Để bảo đảm trả nợ cho ông L, ngày 07/4/2023 bà B đã tự viết giấy vay tiền, ký, ghi họ tên, xác nhận vay số tiền 65.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 07/7/2023, không ghi lãi suất, có thỏa thuận miệng lãi suất 0,83 %/tháng, có ông Đồng Hữu Trọng (cháu bà B) ký làm chứng. Bà B dùng số tiền vay của ông L để trả lãi cho khoản vay vợ chồng bà B, ông T1 đã vay tại Ngân hàng Bắc Á- CN Đà Lạt trước đó.

Tuy nhiên đến hạn bà B không trả gốc và lãi cho ông L. Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B, ông T1 có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 65.000.000 đồng, lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể như sau:

Số tiền 38.000.000 đồng vay ngày 08/4/2023 đến ngày 08/5/2024: 13 tháng x 0,83%/tháng x 38.000.000 đồng = 4.100.000 đồng, cộng 42.100.000 đồng

Số tiền 37.000.000 đồng vay ngày 27/4/2023 đến 27/4/2024: 12 tháng x 0,83%/tháng x 37.000.000 đồng = 2.689.000 đồng, cộng 29.689.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc, lãi ông L yêu cầu bà B, ông T1 phải trả là 71.789.000 đồng.

Bị đơn bà Đồng Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Thế T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của ông L nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/5/2024 nhưng không thành vì nguyên đơn có mặt, bị đơn, người liên quan vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc, yêu cầu tính lãi phát sinh đến thời điểm xét xử (ngày 04/7/2024), bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Đồng Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Thế T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Ông Nguyễn Đình L thừa nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bà Đồng Thị B, ông Vũ Thế T1. Ông L là nhân viên ngân hàng, công tác tại Ngân hàng Bắc Á- Chi nhánh Đà Lạt, do vợ chồng bà B, ông T1 có khoản vay tại ngân hàng này nên ông L có biết bà B. Bà B cần tiền trả lãi cho ngân hàng nên có hỏi ông L để vay tiền và được ông L đồng ý.

Tại 01 “Giấy vay mượn tiền và cam kết trả nợ” ngày 07/4/2023 thể hiện bà B, ông T1 vay của ông L số tiền 65.000.000 đồng, lý do vay là để thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng Bắc Á- Chi nhánh Đà Lạt, thế chấp cho ông L 02 sổ đỏ số CV 0292769 (thửa 296-TBĐ 32-Lộc An) và CV 029277 (thửa 297-TBĐ32 Lộc An), thời hạn trả ngày 07/7/2023. Ông L trình bày giấy vay do bà B tự viết, bà B ký tên người vay, ông L ký tên người cho vay, người làm chứng ông Đồng Hữu Trọng (cháu bà B). Ông L không giữ sổ đỏ của bà B mà do bà B tự viết vì bà B đang thế chấp vay ngân hàng. Sau khi viết giấy vay tiền này thì ông L chuyển tiền cho bà B vay qua tài khoản của bà B.

Tại “Sao kê tài khoản” ngày 18/5/2024 của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt- Chi nhánh Lâm Đồng- PGD Đà Lạt, tên khách hàng ông Nguyễn Đình L thể hiện: Tại Mã giao dịch 123993180, ngày giao dịch: 08/4/2023, nội dung giao dịch: Nguyễn Đình L chuyển tiền cho mượn theo giấy vay ngày 07/4/2023, ghi nợ: 38.000.000 đồng, số tài khoản nhận tiền là 490001060003495 tại Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Tại “Sao kê tài khoản” ngày 18/5/2024 của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt- Chi nhánh Lâm Đồng- PGD Đà Lạt, tên khách hàng ông Nguyễn Đình L thể hiện: Mã giao dịch: 127366930, ngày giao dịch: 27/4/2023, nội dung giao dịch: Nguyễn Đình L chuyển tiền cho mượn theo giấy vay ngày 07/4/2023, ghi nợ: 27.000.000 đồng, số tài khoản nhận tiền là 490001060003495 tại Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Tại “Sổ chi tiết tài khoản” từ ngày 01/01/2023 đến ngày 06/5/2024 tại Ngân hàng TMCP Bắc Á- Chi nhánh Đà Lạt thể hiện số tài khoản 490001060003495 đứng tên bà Đồng Thị B (địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

Như vậy việc ông L chuyển khoản cho bà Đồng Thị B vay số tiền 65.000.000 đồng là có thật. Mặc dù giấy vay chỉ có bà B ký tên, ông L chuyển tiền vào tài khoản của bà B, nhưng số tiền này bà B vay mục đích dùng để trả nợ cho khoản vay vợ chồng ông T1, bà B đã vay trước đó tại Ngân hàng TMCP Bắc Á- Chi nhánh Đà Lạt. Vì vậy cần xác định nợ ông L cho vay là nợ chung của vợ chồng bà B, ông T1. Tuy nhiên đến nay không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện vợ chồng bà B, ông T1 đã trả nợ cho ông L. Tòa án triệu tập vợ chồng bà B, ông T1 nhiều lần nhưng không

đến làm việc. Vì vậy ông L khởi kiện yêu cầu bà B, ông T1 có trách nhiệm trả cho ông L số tiền vay 65.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi phát sinh: Tại giấy vay tiền, sao kê tài khoản đều không thể hiện thỏa thuận lãi suất cho vay là bao nhiêu. Nay ông L yêu cầu tính lãi theo lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với từng khoản vay tương ứng với thời gian vay. Xét lãi suất này phù hợp với lãi suất cho vay quy định tại Điều 468 BLDS 2015 nên được xem xét chấp nhận. Lãi phát sinh buộc bà B, ông T1 trả cho ông L như sau: Khoản vay 38.000.000 đồng ngày 08/4/2023 đến 04/7/2024: 14 tháng 26 ngày x 0,83%/tháng x 38.000.000 đồng = 4.689.000 đồng; Khoản vay 27.000.000 đồng ngày 27/4/2023 đến 27/6/2024 (tính tròn): 14 tháng x 0,83%/tháng x 27.000.000 đồng = 3.137.000 đồng. Tổng cộng lãi phát sinh là 7.826.000 đồng. Cộng cả gốc là lãi buộc bà B, ông T1 phải trả cho ông L là 72.826.000 đồng.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn ông L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà B, ông T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.641.000 đồng (72.826.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình L đối với bà Đồng Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng bà Đồng Thị B và ông Vũ Thế T1 phải trả cho ông Nguyễn Đình L số tiền 72.826.000 đồng (gồm tiền gốc 65.000.000 đồng, lãi phát sinh là 7.826.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Đồng Thị B và ông Vũ Thế T1 phải chịu 3.641.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đình L số tiền 1.720.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại bên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0006764 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy